Vietnam Tariff Intelligence

# Detalle del SA 9840

| | |
|---|---|
| **Código SA** | 9840 |
| **Descripción** | Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. |
| **Unidad** | |
| **Generado** | 09/11/2026 05:27:29 |
| **Versión de datos** | 2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx |
| **Estado de verificación** | Datos arancelarios cotejados con el archivo de origen; recomendaciones/correspondencias orientativas; elegibilidad para el TLC no verificada. |
| **Enlace** | https://www.vietnamtariff.com/hs-code/9840/ |

## 19 líneas arancelarias en 9840

| Código SA | Descripción | Unidad | Derecho de importación ordinario | MFN | VAT |
|---|---|---|---|---|---|
| 9840.11.00 | Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Lõi kim loại thép Metal segment (14x24) mm | | 5% | 0% | Sin datos |
| 9840.11.00 | Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Lõi kim loại thép Metal segment (14x24) mm | | 5% | 0% | Sin datos |
| 9840.12.00 | Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Vòng kim loại thép | | 5% | 0% | Sin datos |
| 9840.13.00 | Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Vòng đệm bằng đồng dùng gắn vào sản phẩm cao su (10,13x0,8) mm | | 15% | 10% | Sin datos |
| 9840.14.00 | Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Lõi nhôm lót trong mạ niken (85x38) mm dùng trong công nghiệp sản xuất chuỗi cách điện | | 5% | 0% | Sin datos |
| 9840.15.00 | Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Keo dán adhesive chemlok 205 | | 7,5% | 5% | Sin datos |
| 9840.16.00 | Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Vòng đệm thép #304 dùng để gắn vào sản phẩm cao su | | 5% | 0% | Sin datos |
| 9840.17.00 | Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Vòng đệm vênh bằng thép #304-S dùng để gắn vào sản phẩm cao su | | 5% | 0% | Sin datos |

| Código SA | Descripción | Unidad | Derecho de importación ordinario | MFN | VAT |
|---|---|---|---|---|---|
| 9840.18.00 | Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / -Vòng nhôm 3077 (Mini) (99,71x84,73x14,30) mm dùng sản xuất sản phẩm cao su | | 5% | 0% | Sin datos |
| 9840.19.00 | Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Axit stearic | | 5% | 0% | Sin datos |
| 9840.20.00 | Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Cao lanh (bột đá) dùng sản xuất sản phẩm cao su | | 5% | 0% | Sin datos |
| 9840.21.00 | Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Đệm cao su 0-35 b dùng gắn vào chụp đệm cao su dùng trên mái nhà | | 5% | 0% | Sin datos |
| 9840.22.00 | Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Cao su lưu hóa dạng tấm | | 5% | 0% | Sin datos |
| 9840.23.00 | Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Muội carbon black N330,770,660 dạng hạt, dùng để sản xuất sản phẩm cao su | | 5% | 0% | Sin datos |
| 9840.24.00 | Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Tấm lưới bằng nhôm phủ cao su (410x490) mm | | 5% | 0% | Sin datos |
| 9840.25.00 | Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Dầu Parafin - Paraffinic Oil dùng trong sản xuất sản phẩm cao su | | 5% | 0% | Sin datos |
| 9840.26.00 | Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Hợp chất hóa dẻo Sunthene 480 dạng lỏng dùng để sản xuất sản phẩm cao su | | 5% | 0% | Sin datos |
| 9840.27.00 | Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Oxít Kẽm Zinc Oxide white seal 99.8% (ZNO) dạng bột màu trắng dùng để sản xuất sản phẩm cao su | | 5% | 0% | Sin datos |
| 9840.28.00 | Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật. / - Vòng kim lọai thép (129.8x2.8) mm dùng để gắn vào sản phẩm cao su | | 5% | 0% | Sin datos |

Este informe es orientativo y se genera a partir de los datos arancelarios de origen y de las reglas de asesoría. No es una resolución aduanera y no confirma la clasificación SA, la elegibilidad para el TLC ni la validez jurídica. El usuario debe verificar con la legislación vigente.